

CHÍNH SÁCH THUỞNG PHẠT CỦA NHÀ LÊ SƠ (1428-1527) CÙNG TÁC DỤNG CỦA NÓ TRONG CÔNG CUỘC PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG

Trần Đình Ba*

Khái lược về thực trạng tham nhũng thời Lê sơ

Tệ nạn tham nhũng được xem là quốc nạn của bất kỳ vương triều, thể chế chính trị nào. Hệ lụy của nó ảnh hưởng trực tiếp tới sự thịnh suy của triều đại mà nó can dự. Bởi vậy, triều đại nào cũng tìm mọi phương cách, biện pháp để phòng, chống hòng loại trừ vấn nạn này ra khỏi xã hội.

Nhà Lê sơ (1428-1527) dù là triều đại phát triển, đạt được nhiều thành tựu khác nhau về các mặt kinh tế, văn hóa, giáo dục, luật pháp... nhưng tệ tham ô, hối lộ vẫn hiện diện ở nhiều hình thức, biến tướng khác nhau trong suốt 100 năm tồn tại. Ngay từ năm đầu tiên thành lập vương triều, vua Lê Thái Tổ đã răn đe quan lại trong việc kê khai tài sản của ngục quan: “*Nếu ai giấu giếm, hoặc chiếm của công làm của tư, biến không làm có thì xử tội đồ hoặc lưu, biếm chức hoặc bãi chức*”.⁽¹⁾ Các vua đời sau đều có văn bản nêu lên hiện trạng tham nhũng, như vua Lê Hiến Tông năm Mậu Ngọ (1498) từng chê trách những người làm chức thủ lĩnh rằng: “*Nay những người ở chức ấy, không biết thấy người hay thì lo theo kịp, lại đi bắt chước kẻ dở, dung túng che giấu cho nhau, lâu ngày quen nết. Thậm chí hùa nhau làm trò nhơ nhuốc, mặt dày nịnh bợ, quỳ gối chui luồn, nuôi chứa lòng gian, gây mối tệ hại, không sao kể xiết*”.⁽²⁾ Đến như vua Lê Tương Dực, trong *Trị bình bảo phạm* (Khuôn phép quý báu về việc trị bình) có viết về nạn tham nhũng thời tiền quân Lê Uy Mục khi cho rằng vua tin dùng bọn bất lương, mở rộng đường hối lộ, tham ô cho kẻ xấu...⁽³⁾

Qua *Đại Việt sử ký toàn thư*, chúng tôi thống kê sơ bộ được số lượng văn bản vua Lê đề cập đến các lĩnh vực có tham nhũng thời gian 1428-1527 như sau:

Văn bản của vua Lê đề cập đến các lĩnh vực tham nhũng thời gian 1428-1527 qua *Đại Việt sử ký toàn thư*

Lĩnh vực Văn bản	Kinh tế	Văn hóa Giáo dục	Tư pháp	Quân đội	Bổ dụng quan chức	Lĩnh vực khác (ngoại giao, xây dựng...)
Số lượng văn bản	7	1	14	9	10	2

Thống kê trên cho thấy tham nhũng hiện diện ở hầu khắp các lĩnh vực thời Lê sơ. Từ ghi chép của *Đại Việt sử ký toàn thư*, có tham chiếu các bộ sử thời Nguyễn: *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* và *Việt sử cương mục*

* Trường Trung cấp Phương Nam, Thành phố Hồ Chí Minh.

tiết yếu, giúp xây dựng được số liệu đáng tin cậy về những vụ tham nhũng thời Lê sơ. Phần sử của triều đại này được Ngô Sĩ Liên và các sử quan nhà Lê là những người trực tiếp có mặt trong triều đình nhà Lê hoặc chỉ ít cũng sống gần nhất với thời này viết, nên những vụ việc liên quan tới tham nhũng, hối lộ có ảnh hưởng lớn được họ ghi lại. Xét trong 100 năm tồn tại của nhà Lê sơ, đã thống kê được khoảng 30 vụ việc lớn nhỏ liên quan tới tham nhũng, hối lộ của quan lại, tôn thất nhà Lê sơ.

Xếp theo tiến trình thời gian, 30 vụ án hay việc liên quan đến tham nhũng, hối lộ thuộc về 40 năm đầu thời Lê sơ. Trong đó thời trị vì của vua Lê Thái Tổ (1428-1433) không ghi nhận có vụ tham nhũng nào. Số lượng những vụ, việc tham nhũng tập trung trong thời trị vì của các vị vua kế nhiệm. Thời vua Lê Thái Tông (1433-1442) có 11 vụ, việc; thời vua Lê Nhân Tông (1442-1459) có 8 vụ, việc và 8 năm đầu (1460-1468) thời vua Lê Thánh Tông có 10 vụ, việc liên quan. Cá biệt như năm Mậu Thìn (1448) thời vua Lê Nhân Tông có tới 6/8 vụ, việc tham nhũng và năm Đinh Hợi (1467) thời vua Lê Thánh Tông có 8/10 vụ, việc liên quan đến tham nhũng. Vụ án tham nhũng cuối cùng được sử chép trong 40 năm đầu thời Lê sơ là vụ án của nội quan Phan Tông Trinh cùng đồng bọn xảy ra tháng 11 năm Mậu Tý (1468) thời vua Lê Thánh Tông.

Trong khoảng 30 vụ tham nhũng, hối lộ được sử cũ ghi chép lại, thì chủ yếu là những vụ xảy ra với quan lại trong triều. Ở cấp địa phương được ghi chép ít hơn nhưng không phải là không có. Điển hình là sự kiện năm Ất Mão (1435), vua Lê Thái Tông cho người đi khắp cả nước bí mật điều tra, bắt và xét hỏi tới 53 kẻ tham quan ô lại bao gồm những Tuyên phủ, Chuyển vận, Tuần sát các lộ, trấn, huyện.⁽⁴⁾ Đây là trường hợp ghi nhận nhiều quan viên tham nhũng nhất thời Lê sơ bị bắt và xét xử.

Gần 60 năm cuối nhà Lê sơ từ niên hiệu Hồng Đức (1470-1497) của vua Lê Thánh Tông cho đến thời vua Lê Cung Hoàng (1522-1527), chính sử không ghi rõ số vụ, việc tham nhũng, nhưng chắc chắn tình trạng tham nhũng đã gia tăng và tính chất ngày càng trầm trọng. Bởi, với một Lê Uy Mục dùng ngoại thích tạo điều kiện cho những kẻ bất tài như Thừa Nghiệp vốn là kẻ chăn trâu mà coi phủ Tôn nhân, Tử Mô làm nghề bán cá lại trông quân Túc vệ... Một Lê Tương Dực chỉ thích chơi bời xa xỉ, bòn rút sức lực, tiền tài của dân xây điện trăm nóc, Cửu trùng đài..⁽⁵⁾ Vua Lê Chiêu Tông (1516-1522) và Lê Cung Hoàng tài năng hạn chế, không có thực quyền trị nước,⁽⁶⁾ chắc chắn tham nhũng, hối lộ càng có cơ hội để phát triển nhiều hơn khi mà trên không ngay, dưới ắt chẳng thẳng. Ngay như vua Lê Hiến Tông nối nghiệp vua Lê Thánh Tông trị nước cũng được xem là sáng suốt thế, còn phải tỏ ra lo lắng với nạn tham nhũng ở thời trị vì của mình thì lấy gì làm hy vọng sự công bằng, thanh sạch ở những vị vua đức kém, tài hèn về sau.

Việc 60 năm sau của nhà Lê sơ không có nhiều vụ, việc tham ô, hối lộ được ghi lại, là bởi nạn tham nhũng, hối lộ, thậm chí là việc cướp đoạt tài sản dân đen một cách trắng trợn đã trở nên phổ biến trong chốn quan trường và ngoài nhân gian. Như thời Lê Uy Mục, vua thì bạo ngược, giết hại tôn thất, ưa dùng họ ngoại. Đến ngay cả quan lại còn phải lo sợ, “tránh voi

chẳng xấu mặt nào” khi bọn thân thích, bà con của vua ngang nhiên đánh dấu, cướp đoạt bất cứ đồ lạ, vật quý gì của dân mà chúng thích:⁽⁷⁾

*Lam Sơn đất nước tổ tông,
Chẳng còn coi đến tin dùng ngoại thân.*

.....

*Những màng đấm sắc chơi bời,
Yêu dấu Phù Chẩn những người tà gian.*⁽⁸⁾

Đánh giá về “phong độ sĩ phu” thời Lê sơ mà Lê Quý Đôn gọi là Tiền Lê, qua đó thể hiện một phần hiện trạng xã hội, ông cho rằng: *“Từ năm Đoan Khánh⁽⁹⁾ trở về sau, lời bàn luận sáng suốt bằng đi, thói cầu cạnh mỗi ngày một thịnh, người có chức vị ít giữ được phong độ thanh liêm nhún nhường, trong triều đình không nghe có lời can gián, gặp có việc thì rút rè cầu thả, thấy lúc nguy thì bán nước để toàn thân, dẫu người gọi là bậc danh Nho, cũng đều yên tâm nhận sủng vinh phi nghĩa, rồi nào thơ ca nào trao đổi, khoe khoang tán tụng lẫn nhau, tập tục sĩ phu thói nát đến thế là cùng, tệ hại biến đổi lần này không thể nào nói cho xiết được”*.⁽¹⁰⁾ Điều đó hẳn đúng với câu *“Tiến dùng kẻ sai lang, đưa mở rộng đường hối lộ”*⁽¹¹⁾ trong sách *Hồng Thuận trung hưng ký* của Nguyễn Dục khi viết về thời Lê Uy Mục.

Từ hiện trạng tham nhũng trên, các vua nhà Lê sơ xem đây là mối nguy gây nên sự bất ổn xã hội cần phải trừ bỏ. Thậm chí, vua Lê Hiến Tông khi nhìn nhận về tham nhũng, đã than thở trong sắc chỉ gửi quan viên năm Kỷ Mùi (1499) rằng *“Việc quân, việc nước hỏng nát không lúc nào nghiêm trọng bằng lúc này”*.⁽¹²⁾ Diệt trừ tham nhũng, đã trở thành một nhiệm vụ mang tính cấp bách. Từ thời vua Lê Thái Tổ cho đến đời vua Lê Cung Hoàng, nhà Lê sơ đã thực thi nhiều biện pháp khác nhau để phòng, chống, xử lý nạn tham nhũng. Điều đó được thể hiện trong quy định về luật lệ, điển chế thành văn; trong việc xác định nhiệm vụ, quyền lực của các cơ quan, quan chức giám sát quan lại; ở chính sách tuyển chọn quan lại (lệ tiến cử, lệ bảo cử, quy định việc chọn nhân tài qua thi cử); chính sách quan chế (bố trí sắp xếp quan lại, lệ khảo khóa quan lại)... Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi đề cập tới *chính sách thưởng phạt* của nhà Lê sơ cùng hiệu quả của nó trong việc phòng, chống và xử lý tham nhũng.

Chính sách nêu gương, khen thưởng, khuyến khích người liêm khiết, trong sạch

Trong chính sách trị nước của nhà Lê sơ nói riêng và của các triều đại phong kiến Việt Nam nói chung, chính sách dùng người rất quan trọng. Việc trọng người hiền, bỏ kẻ ác, tin dùng người quân tử, xa rời kẻ tiểu nhân, khen người có công, phạt kẻ có tội là điều đáng làm và đã được thực hiện. Vua Lê Thánh Tông từng dụ rằng: *“Ta nghe Tư Mã Quang có nói: ‘Người quân tử là cội gốc để tiến lên trị bình, kẻ tiểu nhân là thêm bậc để đi đến họa loạn’. Ta và các người đã thề với trời đất dùng người quân tử, bỏ kẻ tiểu nhân, ngày đêm chăm chăm không lơ, các người chớ có quên đấy”*.⁽¹³⁾

Trong hoạt động chống tham nhũng của nhà Lê sơ, nhà nước trân trọng, đề cao những quan lại có được “lương tính” liêm khiết, trong sạch. Quan niệm

của giới Nho học, người làm quan phải hội tụ đủ ba điều: “*Cái chính phép kẻ đương làm quan thì là ba điều sau này: Một là thanh liêm (trong sạch, không hà lạm của công...), hai là cẩn thận (là giữ phép cho chặt), ba là siêng năng (việc bốn phận mình). Kẻ biết đặt ba điều ấy thì mới biết cái phép giữ mình cho được ra mà trị người*”.⁽¹⁴⁾ Phẩm chất được đặt lên hàng đầu của kẻ làm quan chính là đức thanh liêm, kiệm ước để khi làm kẻ chăm dân giữ được sự công bằng. Bởi thế với những vị quan thanh liêm, triều đình đã thực hiện chính sách nêu gương sáng và khen thưởng, thăng chức để khuyến khích sự ngay thẳng trước sau như một của họ. Liêm khiết cũng là một trong những tiêu chí của nhà nước trong việc sắp xếp, chọn lựa quan chức, khảo hạch, thi cử...

Biện pháp trên ngay từ thời nhà Trần, các vua Trần đã thực hiện đối với nhiều quan lại liêm khiết. Thời vua Trần Minh Tông (1314-1329), có quan Trần Thì Kiến khi làm An phủ sứ Thiên Trường, từng móc họng trả lại cổ cho người biếu mâm cỗ vì có ý nhờ vả ông. Ghi nhận sự liêm khiết đó, vua cho ông làm Kiểm pháp quan và Đại An phủ Kinh sư, lại thăng lên làm Nhập nội hành khiển gián nghị đại phu. Đồng thời vua ban cho cái hốt khắc bài minh khen sự cương trực của ông cao như núi Thái Sơn, vững như hốt ngà làm từ sừng trâu.⁽¹⁵⁾ Hay như “*Lưỡng quốc trượng nguyên*” Mạc Đĩnh Chi là người liêm khiết, sống thanh đạm bản hàn, không tư hào của cải. Ông được vua Minh Tông quý trọng, đến đời vua Trần Hiến Tông (1329-1341) được cất nhắc làm Nhập nội hành khiển rồi thăng Tả Bộc xạ.⁽¹⁶⁾

Nối tiếp việc làm của triều đại trước, nhà Lê sơ cũng thực hiện việc khen thưởng, khuyến khích đối với những gương sáng về sự liêm khiết, trong sạch trong khi làm quan, để từ đó những quan viên khác noi theo học tập hoặc kẻ đã hoặc đang phạm tội tham ô, hối lộ lấy đó làm hổ thẹn mà dừng. Trong suốt 100 năm tồn tại của nhà Lê sơ, biện pháp này được thực hiện có sự thay đổi qua thời gian với mục đích khen thưởng đúng người, đúng việc.

Ở đầu thời Lê sơ, khi xét công để ban thưởng cho quan lại nói chung, triều đình giao trọng trách xét định cho quan đứng đầu các địa phương, hoặc đứng đầu các cơ quan, tổ chức chuyên môn khảo hạch quan lại dưới quyền. Điều này được ghi nhận ở thời vua Lê Thái Tông trị vì. Năm Giáp Dần (1434), vua đặt phép khảo hạch công trạng các quan văn võ với nội dung: “*Sắc sai các quan văn võ đều phải do trưởng quan mà mình tùy thuộc đứng ra sát hạch; Quan văn ở huyện, ở lộ, ở trấn thì do Hành khiển bản đạo sát hạch; Tướng hiệu và võ biên ở các trấn thì do Tổng quản bản đạo sát hạch; Các viên thuộc ở sảnh, ở viện và ở các cục thì do Thiếu bảo và Hữu bật sát hạch; Các viên thuộc Tả, Hữu ban thì do Áp nha và Nội Mật Viện sát hạch; Tất cả đều phải kê khai thành bản sự trạng về nét tốt và về làm lỗi, chia làm ba bậc, cần được rõ ràng, thỏa đáng, không được thiên lệch, tư vị*”.⁽¹⁷⁾

Với quy định trên, quan đứng đầu các địa phương có toàn quyền trong việc khảo xét công trạng cũng như lỗi lầm của quan lại do mình trực tiếp quản lý. Điều này có sự thuận lợi là người đứng đầu biết rõ, tường tận việc làm của quan lại dưới quyền nên việc sát hạch sẽ chuẩn xác. Nhưng nếu giữa người đứng

ra sát hạch hoặc người được sát hạch thân quen hay thù ghét nhau, thì lúc ấy, tính công minh của việc sát hạch sẽ bị ảnh hưởng lớn. Đó là chưa tính tới trường hợp người được sát hạch muốn được xóa lỗi hay được nâng công trạng, được kết quả sát hạch tốt mà dẫn tới việc hối lộ quan đứng đầu để thay đổi kết quả có lợi cho bản thân.

Đồng thời việc thi tiến sĩ phải đến thời Lê Thái Tông mới mở (1442), trong khi đội ngũ quan lại đầu thời Lê sơ chủ yếu là các công thần khai quốc, lại nắm chức vụ cao trong triều đình. Phần lớn trong số họ không được học hành chính thống, thậm chí có người không biết chữ nên dẫn tới một bất cập là *“chuyên lấy việc sổ sách, giấy tờ và kiện tụng để xét thành tích của các quan, bọn lại thuộc phần nhiều chiều hót quan trên, cho nên quan trong ngoài có chức nào khuyết thì tiến cử bỏ dửng”*.⁽¹⁸⁾ Vậy là trong việc xét công trạng của quan lại đầu thời Lê sơ vẫn để tình cảm riêng tư xen vào nhiều, và tiêu chí xét duyệt chưa có được chuẩn mực.

Sử sách ghi nhận sự kiện ngày 7 tháng 7 năm Ất Mão (1435), vua Lê Thái Tông bắt và xét hỏi tham quan ô lại ở các địa phương gồm 53 người, trong đó có nhiều người đứng đầu như Tuyên úy, Tổng quản, Tuần sát của các lộ, trấn, huyện. Bên cạnh đó, vua cũng lệnh ban thưởng cho các quan làm việc lâu năm, siêng năng, có tài và liêm khiết với quy định cụ thể là hạng nhất được thưởng tước 1 tư và 5 quan tiền, hạng nhì được thưởng tước 1 tư. Điểm đáng lưu ý ở đây, là để biết được quan lại liêm khiết hay tham ô, siêng năng hay lười biếng, vua đã dùng biện pháp *“sai người đi hỏi ngầm khắp nước”*.⁽¹⁹⁾ Cùng với việc sát hạch công khai, nhà vua đã có biện pháp mật tra thông qua các quan công sai, án sát để biết được việc hay dở của đội ngũ quan viên. Việc dò hỏi này chắc chắn có sự tham khảo dư luận xã hội trong nhân dân để biết được sự tốt, xấu của quan lại địa phương. Biện pháp mật tra của vua Lê Thái Tông là một biện pháp hay và được đời sau duy trì để có được tính khách quan trong khảo xét. Vua Lê Thánh Tông năm Đinh Hợi (1467), cũng sai Lục bộ, Lục tự, Lục khoa mỗi cơ quan chọn 2 viên để *“sung việc đi thăm hỏi, điều tra nỗi đau khổ của dân và điều hay dở của chính sự”*.⁽²⁰⁾ Sau này, các vua nối ngôi cũng dùng biện pháp thưởng chức tước để khuyến khích người liêm khiết, như tháng 5 năm Nhâm Thìn (1472), vua Lê Thánh Tông *“ra sắc chỉ rằng những điển lại nào thanh liêm, cần mẫn thì được thăng bổ chức phó nhị”*.⁽²¹⁾

Dù vậy, quy chế xét duyệt tuy có sử dụng nhiều biện pháp nhưng vẫn có phần lỏng lẻo, chưa được quy củ, chặt chẽ. Do đó đầu thời Lê sơ dù đã có việc định công ban thưởng cho quan lại mẫn cán, liêm khiết nhưng chưa thấy gương liêm khiết đặc biệt nào được vinh danh, khen thưởng. Đáng chú ý có trường hợp Đô đốc Lê Lựu thời vua Lê Nhân Tông không tham của, từ chối tiền bổng được cấp vì thấy dân chúng khốn khổ quần bách nhưng sử cũng ghi lại là vua cho phép mà không thấy bất kỳ hành động biểu dương nào cho tinh thần đáng quý ấy.⁽²²⁾

Từ thời vua Lê Thánh Tông trị vì đất nước trở về sau, triều đình nhà Lê sơ đã có nhiều hành động cụ thể để định công, ban thưởng cho những vị quan có được tính thanh liêm, kiệm ước. Trong việc định công, ban thưởng để khuyến

khích những tấm gương ngay thẳng, trung thực, không hối lộ, tham ô, nhà Lê sơ có sự minh định giữa công và tội. Nếu có công thì được khen, có tội là phải trách phạt, xét xử nghiêm minh. Điều này được biểu hiện qua trường hợp của Thái bảo Lê Lăng.

Lê Lăng là người đã cùng với Lê Liệt, Nguyễn Xí có công diệt loạn Lê Nghi Dân và phò giúp Lê Tư Thành lên ngôi vua, tức Lê Thánh Tông. Ghi nhận công lao, ông được vua phong từ Nhập nội kiểm hiệu bình chương quân quốc trọng sự Á thượng hầu lên làm Thái bảo, là đại thần trong triều. Vua Lê Thánh Tông *“sai Chánh chưởng Nguyễn Lỗi đem bạc vàng đến thưởng cho Lê Lăng và dụ rằng: ‘Người nên thận trọng từ đầu đến cuối, phải thanh liêm công bằng’*”. Nhưng trải qua quá trình làm việc, thấy sự thiên tư của vị đại thần này, nên tháng 10 năm Tân Tỵ (1461) nhà vua đã có dụ để chấn chỉnh rằng: *“Tính khí của người cứng rắn quá, ngoài mặt thì nghiêm khắc mà trong lòng thì yếu mềm. Vì thế, người nào mình không bằng lòng thì đẩy xuống đất đen, người nào chiều ý mình thì nâng niu trên gối”*.⁽²³⁾ Đến năm Nhâm Ngọ (1462), khi Lê Lăng đã là Thái úy, không nhớ những biệt đãi của triều đình mà lại ngầm mưu phản, vua xử tội chết.

Đối với những quan lại có sự thanh khiết trong cả đời làm quan, vua nhà Lê đặc biệt có chính sách thưởng xứng đáng với phẩm chất họ có. Tiêu biểu trong thời trị vì của vua Lê Thánh Tông và cũng là của cả thời Lê sơ có tấm gương liêm khiết được người đương thời và hậu thế biết đến là Tiến sĩ Vũ Tụ (1476 - ?). Hầu hết những sách về gương sáng thời xưa đều có sự hiện diện của ông với tiết tháo trong sạch hiếm có.

Trong *Nam quốc vĩ nhân truyện*, nhân cách của Vũ Tụ được nhận xét là *“Tính ông ngay thẳng, thanh liêm, không bao giờ ông ăn tiền của ai”*.⁽²⁴⁾ Còn vua Tự Đức khi viết bộ *Ngự chế Việt sử tổng vịnh*, đã trân trọng đặt ông vào mục Văn thần và có thơ ca ngợi rằng:

*Khước quyền điều đồng mộ dạ cam,
Thần tâm như thủy dị quân tâm.
Gia vô thiêm thạch di nhiên lạc,
Liêm tiết quan thường hợp sức khâm.*

Tạm dịch:

Vàng lụa ban đêm cũng khước từ,
Trắng trong như nước khác lòng vua.
Nhà tuy không của vui vừa thích,
Liêm tiết đeo đai chẳng lạ ư?⁽²⁵⁾

Giữa lúc nhiều đồng liêu ăn hối lộ, thì gia cảnh của Vũ Tụ *“trong nhà gạo không có để trữ một gánh một hộc mà vui vẻ tự nhiên. Nếp nhà thanh bạch, người thời bấy giờ rất kính mộ ông”*.⁽²⁶⁾ Vua Lê Thánh Tông từng sai người đưa lụa biếu các quan để thử lòng họ. Đa phần các quan khác đều nhận làm của riêng, chỉ có mình ông dù được nài nỉ bao nhiêu lần vẫn cự tuyệt với câu nói nổi tiếng cho tiết tháo trong sạch không tì vết: *“Người đời đều đục cả thì một mình ta cứ trong, há vì lời nói khéo của anh mà ta lại thay đổi tiết tháo hay*

sao?”.⁽²⁷⁾ Trường hợp của ông cũng giống như Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi được vua Minh Tông cho người đang đêm bí mật đem 10 quan tiền bỏ vào nhà mà không tơ hào, lại đem đến bẩm vua. Đánh giá cao nhân phẩm của ông, vua Lê Thánh Tông đã có một biện pháp khen thưởng xưa nay hiếm khi ban cho Vũ Tụ hai chữ “liêm tiết”. Hai chữ ban khen ấy được đính vào cổ áo, để khi vào chầu “*biểu dương tính thanh liêm, cũng là làm gương cho những kẻ khác*”.⁽²⁸⁾ Sau này, dù được làm tới chức Tả Thị lang Bộ Hình, nhưng Vũ Tụ vẫn giữ được đức tính tốt đẹp của một vị quan chăm dân.

Niên hiệu Hồng Đức (1470-1497) của vua Lê Thánh Tông, còn ghi nhận trường hợp Tri phủ họ Nguyễn (*Ô Châu cận lục* cho rằng có thể tên là Nguyễn Đức Huệ) do xuất thân là học sinh trường Quốc Tử Giám, được bổ làm Tri huyện, nổi tiếng làm quan thanh liêm nên được vua thăng lên Tri phủ phủ Thăng Hoa,⁽²⁹⁾ sau đổi bổ Tri phủ phủ Hoài Nhơn.⁽³⁰⁾ Năm Tân Mão (1471), vua Lê Thánh Tông tiến đánh Chiêm Thành, hạ được thành Chà Bàn, bắt chúa Chiêm là Trà Toàn. Khi vào thành, đa phần tướng sĩ tranh nhau cướp lấy của cải làm của riêng. Nhưng riêng Nguyễn Quận, người xã An Thợ, huyện Hải Lăng lại không tơ hào vật chất, chỉ lấy một cây cờ lớn giương lên biểu thị cho chiến thắng của quân Đại Việt. Vua Lê Thánh Tông thấy ông có tiết tháo thanh cao nên sau khi “ca khúc khải hoàn”, vua xét công trạng cho làm Quản vệ Thanh Hoa,⁽³¹⁾ sau thăng đến Đô Tổng binh sứ đạo Quảng Nam.⁽³²⁾

Qua những trường hợp bình xét, thăng thưởng bởi sự trong sạch, liêm khiết cho các quan viên của vua Lê Thánh Tông, vua không phân biệt vị trí của quan lại sang hèn, cao thấp, miễn đó là người giữ được phẩm chất tốt đẹp. Dù là quan lại ở cấp trung ương hay địa phương, trong hoàn cảnh chiến trận hay thời bình, vị vua thứ tư của nhà Lê sơ đều để ý tới những tấm gương sáng. Phẩm chất đầu tiên, quan trọng nhất để đánh giá là liêm khiết để có được sự khen thưởng xứng đáng nhằm khuyến khích họ.

Không chỉ trực tiếp phát hiện những quan viên trong sạch trong triều, ngoài trấn để từ đó ban thưởng, nhà Lê sơ còn có hành động sâu sát hơn để không bỏ sót những tấm gương sáng về nhân phẩm. Tháng 3 năm Mậu Ngọ (1498), vua Lê Hiến Tông vừa mới lên ngôi chưa lâu đã sai sứ đi khắp bốn phương để truy xét nhiều đối tượng khác nhau như người nghèo, già yếu trong quân ngũ, người chịu thuế khóa, phục dịch, người bị oan khuất... để có hành động phù hợp. Đặc biệt, vua thấy rõ tầm quan trọng của phẩm chất thanh liêm, kiệm ước đối với những người làm quan, nên sai sứ tìm “*khen thưởng người có công, biểu dương người tiết nghĩa, cất nhắc người liêm khiết, tiến cử bậc hiền tài. Trong kinh, ngoài trấn rất vui mừng*”.⁽³³⁾ Với biện pháp này, người tài năng, liêm khiết ít bị bỏ sót, càng thêm có ý chí phấn đấu.

Không chỉ như vua Lê Thái Tông cho người đi mật tra hay vua Lê Hiến Tông sai sứ đi tìm để biết được ai liêm khiết mà ban thưởng, cất nhắc, ai tham ô, hối lộ mà ra hình phạt, nhà Lê sơ còn có một biện pháp đáng quý, xem như sự ưu đãi biệt lệ đối với người liêm khiết, đó là có loại tiền quý bằng liêm khiết (tiền dưỡng liêm) để vừa là giúp đỡ về vật chất, vừa giúp họ nuôi giữ đức tính

thanh liêm của bản thân. Năm Mậu Ngọ (1498), *“lấy Dương Trục Nguyên làm Lại khoa đô cấp sự trung, lại ưu đãi cho thêm tiền quý bổng liêm khiết”*.⁽³⁴⁾ Loại tiền không phải ai cũng được hưởng này đã tỏ rõ tác dụng của nó. Dương Trục Nguyên đã “đàn hặc, trấn áp bọn cường hào, những kẻ có quyền thế cũng phải chùn tay”. Đến năm Canh Thân (1500) nhờ tính cương nghị, liêm khiết, ông được thăng làm Đô đình úy, sang thời vua Lê Tương Dực, năm Nhâm Thân (1512), ông được tin cậy giao làm Đô ngự sử trong Ngự Sử Đài, một vị trí cần người “trơ như đá, vững như đồng” không bị lay chuyển bởi lợi lộc, quyền thế.

Cuối thời Lê sơ, dù trong đội ngũ quan lại hình thành nhiều nhóm lợi ích tranh chấp quyền lực với nhau, nhưng không vì thế mà những tấm gương liêm khiết vắng bóng. Thời vua Lê Tương Dực, Lại Bộ Tả Thị lang Lương Đắc Bằng được người đời biết tới không chỉ qua 14 kế sách trị bình hay là thầy của Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm. Ông dù là trọng thần trong triều mà sống trong sạch, bản hàn. Thế nên sau khi Lương Đắc Bằng mất, con ông là Lương Hữu Khánh vì ăn khỏe, nhưng gia cảnh nghèo, đã phải tâm sự với mẹ rằng: *“Cha tôi khi xưa làm quan thanh liêm, đến nỗi con cháu không đủ cơm cháo mà ăn, vậy mẹ cho tôi đi nơi khác, tùy đường kiếm ăn, kéo dể phiền đến bụng mẹ”*.⁽³⁵⁾ Thời vua Lê Chiêu Tông (1516-1522), có Hữu Thị lang Bộ Lại Ngô Tuấn Kiệt, dù đứng hàng thứ hai trong cơ quan chuyên trách việc xét tuyển, bổ dụng quan lại, nhưng ông giữ được nhân phẩm cao đẹp *“thanh liêm, thẳng thắn, cứng rắn, trong sạch, thường mặc áo rách, ăn cơm hẩm, chỗ ở che bằng cỏ lau”*.⁽³⁶⁾ Nhà vua thấy ông sống kham khổ, bản hàn, không ăn của đút bao giờ nên ban thưởng cho tiền gạo dưỡng liêm. Tuấn Kiệt nhận tiền dưỡng liêm nhưng chỉ lấy đủ dùng, còn thừa bao nhiêu lại dâng nộp vào kho. Đó là một điển hình tiêu biểu của đức thanh liêm giữa lúc xã hội nhà Lê đang ở buổi mạt kỳ, đa phần quan lại lo vun vén lợi ích cho bản thân.

Như vậy, trong việc ghi nhận phẩm chất, công lao của những người liêm khiết, trong sạch, các vua nhà Lê sơ đã có nhiều chính sách, biện pháp khác nhau nhằm phát hiện những nhân tố điển hình. Qua những biện pháp đã được thực hiện, chứng tỏ sự quan tâm của nhà nước đến các gương liêm khiết, không phân biệt cấp bậc, chức vụ mà họ nắm giữ, không phân biệt quan trong triều hay ở địa phương. Điều đó cho thấy vai trò của gương liêm khiết rất quan trọng trong việc nuôi dưỡng phép làm quan trong sạch của nhà Lê sơ. Nhờ những biện pháp hết sức thiết thực như bình xét công trạng, thử lòng người, sai sứ đi tìm hiểu, ban tiền dưỡng liêm, cất nhắc chức vụ... đã góp phần vừa ghi nhận những tấm gương tiêu biểu, khuyến khích họ giữ được phẩm chất đáng quý mà tận tâm với công việc, đồng thời để những quan viên khác qua đó soi lại bản thân mình mà cố gắng hơn nữa.

Chính sách khen thưởng, khuyến khích cá nhân, tổ chức chống, vạch tội tham nhũng và răn đe, trừng phạt kẻ phạm tội tham nhũng

Để tăng cường hiệu quả phòng, chống và xử lý tham nhũng, song hành với biện pháp khen thưởng thích đáng cho những tấm gương thanh liêm, trong sạch, nhà Lê sơ còn thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích những cá nhân, tổ chức đã có công phòng chống, vạch tội tham nhũng. Vua Lê Hiến Tông

từng chỉ rõ: “*Trừng trị kẻ tham ô, lời dạy rất rõ ràng; khen thưởng người liêm cần, điển chương đã đầy đủ. Chăm chăm roi vọt răn đe, ngăn ngừa tư thông đút lót*”.⁽³⁷⁾ Ý ấy, trong lời tâu của Đô ngự sử Quách Hữu Nghiêm cũng có bày tỏ: “*Thường đúng công thì người người đều được khuyến khích, phạt đúng tội thì ai ai cũng lấy đó làm điều răn đe*”.⁽³⁸⁾

Những cơ quan, tổ chức thường xuyên nhận sự răn đe phải làm đúng chức trách trong công tác phòng, chống và xử lý tham nhũng, hối lộ là Lại Bộ - cơ quan chuyên trách tuyển bổ quan lại, Ngự Sử Đài - cơ quan giám sát, đàn hặc quan lại phạm tội, Hình Bộ - cơ quan chuyên trách xử án tham ô, hối lộ... Hầu hết các vua nhà Lê sơ đều có những chỉ, dụ nhắc nhở các tổ chức chuyên trách các lĩnh vực trên làm đúng chức phận. Ví như lĩnh vực hình án: “*Các quan xét xử phải giữ phép công bằng, không được nhận đút lót mà làm sai, để có người bị oan uổng*” (Lệnh chỉ của vua Lê Thái Tông năm Giáp Dần 1434);⁽³⁹⁾ “*Phép khảo khóa đã có lệ sẵn, cốt để phân biệt người hay dở, tỏ việc khuyên răn. Nay Lại Bộ và quan các nha môn trong ngoài, nên theo đúng lệ mà làm để khuyến khích mọi người. Nếu dám nhu nhơ bỏ phép như trước kia, thì khoa phụ trách xét nêu lên, theo luật mà trị tội*” (Sắc chỉ của vua Lê Thánh Tông năm Canh Tý 1480).⁽⁴⁰⁾

Đối với đội ngũ quan lại nói chung, nhà nước rất chú ý tới phẩm chất của đội ngũ lưng đai tay hốt phụng sự triều đình. Do đó thường xuyên khuyên răn, nhắc nhở họ về đạo của người làm quan, như tờ chiếu năm Bính Tý (1456) của vua Lê Nhân Tông gửi đội ngũ quan lại có đoạn: “*Người làm tôi phải giữ trọn chức vụ. Đại thần thì giúp vua, điều hòa xoay chuyển trời đất, tiến cử người hiền, gạt bỏ những kẻ không tốt để mưu tính cho việc chính trị được hay. Người cai quản quân đội thì võ về thương yêu binh sĩ, luyện tập võ nghệ, không nên bắt quân lính làm việc riêng cho mình và xâm phạm xà xẻo của công. Các Hành khiển ở năm đạo phải nên trình bày điều lợi và điều hại, phân biệt cái tốt và cái xấu; cần phải làm cho xong xuôi ổn thỏa tất cả những việc nên làm ở địa phương*”...⁽⁴¹⁾ Sách *Trị bình bảo phạm* ban bố năm Tân Mùi (1511), cũng nhắc nhở quan lại về đạo của kẻ làm tôi là phải giữ lòng trung quân, vì nước quên nhà, lo việc công, quên việc tư, cùng nhau hiệp đồng làm việc cho có hiệu quả.⁽⁴²⁾

Khi thấy quan lại có biểu hiện tha hóa, biến chất, vua cũng có những văn bản chê trách, răn đe để họ sửa mình. Trong lệnh chỉ của vua Lê Nhân Tông năm Mậu Thìn (1448), nhà vua đã kịch liệt phê phán việc quan lại mượn tiếng làm việc công để lo làm lợi riêng cho bản thân. Từ đó mà yêu cầu họ phải giữ tinh thần liêm khiết, năng nổ trong công việc để nước nhà được thịnh trị. Vua cũng răn đe rằng nếu tặc cũ không chữa thì sẽ bị xử tội nặng hơn luật đã ban hành.⁽⁴³⁾ Sang thời vua Lê Thánh Tông, nhà vua đã có nhiều chỉ dụ chê trách quan lại tham nhũng và răn đe xử tội họ, như sắc chỉ tháng 10 năm Canh Tý (1480): “*Quan các vệ, sở, người nào dám hạch sách tiền của như trước, tính từ 5 tiền trở lên thì pháp ty sẽ trị tội theo luật pháp, ngoài ra, từ 4 tiền trở xuống thì nhất luật bãi chức sung quân, như lệ quan viên tham nhũng*”.⁽⁴⁴⁾ Như vậy là nhà nước vừa kết hợp việc yêu cầu quan lại làm đúng chức trách, đồng thời lại chê trách, răn đe để ngăn ngừa thái độ, hành vi tư lợi của họ.

Để nâng cao hiệu quả phòng, chống, vạch tội tham nhũng, nhà Lê sơ còn thực hiện biện pháp khuyến khích các cá nhân, tổ chức trong công tác này. Như đối với đội ngũ ngôn quan thuộc Ngự Sử Đài, các vua nhà Lê sơ luôn khuyến khích họ dám nói thẳng, nói thật, đàn hặc tội lỗi của quan lại để nhà nước có biện pháp xử lý. Nhờ đó mà có nhiều vụ việc liên quan đến tham ô, hối lộ được phát hiện bởi các quan Ngự sử. Ghi nhận công lao của họ trong hoạt động chống, vạch tội tham nhũng, nhà nước đều có sự khen thưởng xứng đáng. Bùi Cầm Hổ là quan Ngự sử cương trực, không sợ cường quyền, dám vạch tội cường thần, được vua tin cần, cất nhắc làm Ngự sử trung thừa, rồi Tham tri chính sự. Nguyễn Vĩnh Tích khi làm quan Ngự sử có nhiều công lao chống tham nhũng, được thăng lên làm Binh Bộ Thượng thư (tiếc là sau này Nguyễn Vĩnh Tích không giữ được đức tốt như khi làm quan phong hiến).

Trong chính sách trị nước của các vua nhà Lê, cũng rất chú trọng tới việc cất nhắc người hiền tài, ngay thẳng, cương trực để góp phần làm thanh sạch bộ máy công quyền. Điều này được thể hiện qua 14 kế sách trị bình của Lương Đắc Bằng, trong đó kiến nghị với vua Lê Tương Dực phải dốc lòng hiếu thảo để khuyến khích lòng trung hậu, dè dặt trao quan tước để thận trọng việc khuyến khích răn đe, khen người tiết nghĩa để coi trọng đạo cương thường, cấm hối lộ để trừ bỏ thói gian tham...⁽⁴⁵⁾

Có trường hợp vua dùng chính quan hệ thâm tình để kêu gọi các quan viên cố công, gắng sức trong việc giúp nhà nước diệt nạn tham nhũng. Việc vua Lê Thánh Tông năm Mậu Tý (1468) dụ Hộ Bộ Thượng thư Nguyễn Cư Đạo là một ví dụ. Trong dụ gửi đến cho vị quan đứng đầu Bộ Hộ, vua viết: *“Ta khi còn ít tuổi làm bạn với người, khi lên ngôi báu thì người làm quan Kinh diên. Về mặt thần hạ, người với ta là người tri kỷ, là bạn học thức. Về mặt vua tôi, người với ta là duyên cá nước, là hội gió mây. Người hãy hết lòng hợp sức, gắng gỏi lo báo đền ơn nước, chỉ công vô tư, để cho dứt hẳn tệ hối lộ”*.⁽⁴⁶⁾

Không chỉ khuyến khích quan lại cùng những cơ quan chuyên môn trong việc diệt trừ tham nhũng, nhà nước còn có điều luật cụ thể tạo điều kiện cho nhân gian cùng tham gia phòng, chống tham nhũng. Theo đó, không phân biệt thành phần, chức vụ, những người có công phát hiện, tố cáo tham nhũng, nhà nước đều có định mức thưởng cụ thể để khuyến khích tinh thần vì nước của họ. Trong *Quốc triều hình luật* có Điều 76, Điều 90 và Điều 101 Chương Vi chế, Điều 4 Chương Điền sản, Điều 41 Chương Đạo tặc... quy định việc thưởng tùy mức độ cho người có công đứng ra cáo giác sự tham nhũng, hối lộ. Đơn cử như Điều 101 của Chương Vi chế ghi: *“Quan liêm phóng (quan mật tra) mật xét việc phải đúng sự thực, nếu sơ suất sai lầm, thì bị tội biếm hoặc đồ. Nếu vì báo ân báo oán, hay ăn hối lộ mà đổi trắng thay đen, thì không kể việc lớn hay nhỏ, ăn nhiều hay ít, đều xử tội lưu hay tội chết. Người cáo giác đúng sự thực, được thưởng chức tước tùy theo việc nặng nhẹ”*.⁽⁴⁷⁾

Trong thực tế, sử sách ghi nhận có những vị quan ngay thẳng không sợ cường quyền, hết lòng với chức trách được giao, được nhà nước ban thưởng bằng tiền bạc hoặc chức tước xứng đáng để họ giữ được đức tốt mà không bị lợi danh làm sa ngã.

Tháng 2 năm Giáp Thân (1464), Chuồng Hình Bộ Lê Cảnh Huy được vua Lê Thánh Tông ban dụ khen có nhiều công lao, dám nói thẳng. Lại động viên hãy phát huy phẩm chất đã có để “*xét kỹ những việc oan uổng, dẹp bớt những kẻ gian ngoan, bàn luận ở triều đình cho trắng đen sáng tỏ*”.⁽⁴⁸⁾ Tháng 8 năm ấy, Hình Bộ Tả Thị lang Nguyễn Mậu tận tụy trong công việc, lại cương trực nên được vua ban bạc khen thưởng. Tháng 12 cùng năm, Đô ngự sử Nguyễn Thiện hết lòng lo việc nước, thường dâng lời nói phải, có lúc bị vua trấn áp nhưng không nao núng nên được ban thưởng bạc để cố gắng hơn nữa. Nhờ thế mà hai năm sau (Bính Tuất-1466) Nguyễn Thiện được thăng làm Thanh Hoa Tuyên phủ sứ với lời dặn dò của vua: “*Người trước làm quan can gián, bàn việc thiết thực, thẳng thắn. Nay ra vô yên trăm họ, nên giữ pháp luật, lo cho nước*”.⁽⁴⁹⁾ Cũng tháng 5 năm Bính Tuất (1466) vua còn ban cho Tả Đô đốc Lê Thọ Vực 20 lạng bạc để ngợi khen vì những lời tâu thẳng thắn.⁽⁵⁰⁾ Những trường hợp trên dù mới chỉ là tiêu biểu cho “tính cương trực lòng không gợn sống” trước cường quyền nhưng đã được vua khen để khuyến khích sự ngay thẳng trong hàng ngũ quan viên.

Theo ghi chép trong *Dã sử*, có trường hợp “Quận Gió”, một kẻ trộm nhân nghĩa chỉ lấy tiền của của những kẻ làm giàu bất chính, ăn hối lộ để giúp những người khốn khó. Nhờ việc vô tình giúp cho vua Lê Thánh Tông biết viên quan quản sở Kim Ngô đục khoét tiền nhà nước, Quận Gió không những thoát tội xử chém (Điều 19 Chương Đạo tặc quy định: “*Kẻ ăn trộm mới phạm lần đầu, thì phải lưu đi châu xa. Kẻ trộm đã có tiếng và kẻ trộm tái phạm, thì phải tội chém*”),⁽⁵¹⁾ ngược lại, “Quận Gió” còn được vua phong làm Quận công và ban cho biển vàng “Trộm cướp mà quân tử”.⁽⁵²⁾ Dù tính xác thực của chuyện này chưa được minh định, nhưng qua đó cũng phản ánh được tinh thần cầu thị của triều đình, sẵn sàng ghi nhận thông tin từ nhân gian để chống tham nhũng và hành động khuyến khích nhân dân tham gia chống tham nhũng, cùng ước mong của nhân dân về hành động thiết thực của nhà nước diệt trừ nạn tham ô, hối lộ giúp dân lành được yên ổn.

Hình phạt thấp nhất được áp dụng để trừng phạt kẻ phạm tội tham nhũng là răn đe, chế giễu hoặc đánh trượng, phạt roi. Những hình phạt này dù chưa phải là nặng, nhưng có tác dụng tác động đến lòng tự trọng, làm cho họ thẹn với bản thân, đồng liêu mà sửa mình. Năm Đinh Hợi (1467), vua Lê Thánh Tông đã tước hết quan chức, đuổi về quê và phạt đánh trượng Trần diện phó tướng quân Lê Hán Đình vì có tiền sử tham ô, sau được tiến cử chỉ huy quân đội nhưng bất tài vô dụng, không thành thạo trận đồ, binh pháp.⁽⁵³⁾

Hình phạt với đối tượng tham nhũng còn được ghi nhận ở cấp độ cao hơn là biếm, bãi chức tước để không còn có cơ hội đục khoét, cũng là làm gương cho kẻ khác lấy đó làm điều răn mà không phạm phải. Trong 100 năm tồn tại của nhà Lê sơ, sử cũ đã ghi lại rất nhiều đối tượng tham nhũng bị biếm, bãi chức. Đơn cử như trường hợp Tổng quản lộ An Bang là Nguyễn Tông Từ và Đồng tổng quản Lê Dao bị biếm 3 tư, bãi chức vụ năm Giáp Dần (1434) vì tham ô 100 quan tiền. Binh Bộ Thượng thư Nguyễn Vĩnh Tích năm Đinh Hợi (1467) bị thu thẻ bài, vẫn giữ chức vụ nhưng không được làm việc vì từng nhận bạc đút lót năm trước.

Mức độ cao nhất trong việc xét xử, trừng phạt tội tham nhũng là hình phạt xử tử. Đã có nhiều trường hợp vì tham nhũng ở mức nặng không thể dung tha, nên đoạn kết là đối mặt với đoạn đầu đài. Năm Ất Mão (1435), Chuyển vận sứ huyện Thủy Đường là Nguyễn Liêm nhận hối lộ bị án chém. Thời vua Lê Nhân Tông, Nam bạ đạo chủ Đàm Thảo Lư ẩn lậu tiền năm Mậu Thìn (1448), Chuyển vận phó sứ huyện Văn Bàn là Lương Tông Ký ăn hối lộ năm Kỷ Tỵ (1449) đều bị khép án tử.

Có trường hợp cá biệt ở thời Lê sơ là năm Mậu Tý (1468), một số quan nội thần gồm Nguyễn Thư, Chu Đức Đại, Dương Minh Phong, Ngô Át, Phan Tông Trinh phạm tội ăn hối lộ. Sau khi đem ra xét xử, vua Lê Thánh Tông quyết định chỉ giết Phan Tông Trinh, còn đồng bọn được tha tội chết. Bởi theo lý lẽ của nhà vua, thì những người kia đã có công hầu cận lâu ngày, riêng Phan Tông Trinh tội nặng chất chồng, không thể không giết: *“Bọn Thư không bị xử tội chết để chờ ngày sau nó sửa tội lỗi. Trinh là con nuôi của viên hoạn quan Hiền. Hiền chết, Trinh cướp lấy vợ Hiền. Năm trước Trinh lại thông dâm với cung nữ, chết là đáng rồi”*.⁽⁵⁵⁾

Thực tế xét xử trên cho thấy, dù tham nhũng là một trọng tội không được dự ân xá, nhưng trong thực tế, thì tùy tính chất vụ án mà vua Lê có sự giảm nhẹ hình phạt để kẻ phạm tội có cơ hội phục thiện. Điều đó cho thấy được tính nhân văn trong luật pháp nhà Lê sơ.

Năm Giáp Thân (1464), vua Lê Thánh Tông dụ cho Binh Bộ Thượng thư Nguyễn Vĩnh Tích rằng: *“Nay Dương Quốc Minh nói năm xưa có đem 34 lạng bạc đến dứt lót cho mẹ người, dấu không chứng cứ, nhưng chả lẽ nó lại nói vu? Tuy có dụ này, nhưng ta cũng che giấu cho để người tự sửa lỗi”*,⁽⁵⁶⁾ lại ban cho 10 lạng bạc vì lòng trung thành và những lời bàn hợp ý vua. Dù vậy sau này Nguyễn Vĩnh Tích vẫn tái phạm, ăn hối lộ và bị thu thẻ bài một thời gian. Đối với trường hợp cha con Thái úy Nguyễn Xí và Đô đốc Nguyễn Sư Hồi ăn hối lộ tới 80 lạng bạc năm Quý Mùi (1463), theo luật đáng tội chết. Nhưng vua Lê Thánh Tông xét công phò giúp vua lên ngôi, nên chỉ trách mắng và thu tang vật. Những trường hợp trên có thể xem là biệt lệ khi xử lý tội tham nhũng.

Đối với những người không phạm tội tham ô, ăn hối lộ, nhưng biết kẻ khác phạm tội này, mà che giấu, không tố giác, thì cũng phạm tội liên đới và bị trừng phạt. Sử cũ còn ghi, năm Đinh Hợi (1467), Tây quân Đô đốc Lê Thiệt bị bãi chức vì để quân lính và tướng dưới quyền đi tuần biên giới đã dọa nạt, lấy bạc của dân. Cùng năm đó Điện tiền kinh lịch Cao Bá Tường bị phạt đánh trượng, bắt đi đầy vì biết những quan Kiểm điểm là Lê Thọ Vực, Lê Bô, Phạm Văn Hiến bắt quân lính làm việc riêng và cho về để lấy tiền nhưng lại không tố cáo, hặc tội.⁽⁵⁷⁾

Những biện pháp trừng phạt kẻ tham nhũng được nhà Lê sơ thực hiện ở nhiều cấp độ khác nhau, căn cứ vào tính chất cụ thể, hậu quả để lại của vụ việc. Lại làm bài học cho kẻ khác không đi vào “vết xe đổ” của những đồng僚 đã phạm tội. Trong hành động thực tế xử lý tội tham nhũng, đa phần

đều phát huy tác dụng với những hình phạt nghiêm khắc, có tính răn đe cao. Tuy nhiên, đối với một số trường hợp vì tiếc tài, vì thân thích hoặc vì công lao, vua Lê tỏ ra xử nường nhẹ ở mức răn đe, chê trách với mong muốn tạo cơ hội sửa đổi lỗi lầm cho kẻ phạm tội. Đáng tiếc là hiệu quả trong việc xử tội những trường hợp này lại không cao. Bởi những người được ưu ái vẫn tái phạm do tinh thần tha hóa: “*Cười chê chửi mắng mặc thấy, Quan to lộc hậu thì đây cứ làm*”.⁽⁶¹⁾

T Ñ B

CHÚ THÍCH

- (1) Ngô Sĩ Liên và các sử quan nhà Lê, *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập II, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2004, tr. 315.
- (2) Ngô Sĩ Liên và các sử quan nhà Lê, tập III, sđd, tr. 12.
- (3) Đặng Xuân Bảng, *Việt sử cương mục tiết yếu*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2000, tr. 387.
- (4) Đặng Xuân Bảng, sđd, tr. 311.
- (5) Xem thêm Phan Xuân Hòa, *Lịch sử Việt Nam: Từ Lê Lợi khởi nghĩa đến Nguyễn suy vong*, quyển II, Nxb Vĩnh thịnh, Hà Nội, 1952, tr. 19.
- (6) Xem thêm Nguyễn Văn Mai, *Nam Việt lược sử*, Nhà in Nguyễn Văn Viết, Sài Gòn, 1919, tr. 35-36.
- (7) Xem thêm Trần Trọng Kim, *Việt Nam sử lược*, quyển I, Trung tâm Học liệu xuất bản, Sài Gòn, 1971, tr. 265-266.
- (8) Khuyết danh, *Việt sử diễn âm*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 1997, tr. 178.
- (9) Đoan Khánh: niên hiệu của vua Lê Uy Mục (1505-1509).
- (10) Lê Quý Đôn, *Kiến văn tiểu lục*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2007, tr. 301.
- (11) Ngô Sĩ Liên và các sử quan nhà Lê, tập III, sđd, tr. 52.
- (12) Ngô Sĩ Liên và các sử quan nhà Lê, tập III, sđd, tr. 13.
- (13) Ngô Sĩ Liên và các sử quan nhà Lê, tập II, sđd, tr. 426.
- (14) Trương Vĩnh Ký dịch, *Minh tâm bảo giám*, Nxb TP Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, 2005, tr. 233.
- (15) Cao Xuân Dục, *Đại Nam dư địa chí ước biên*, Nxb Văn học, Hà Nội, 2003, tr. 376.
- (16) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, tập II, Nxb Lao động, Hà Nội, 2012, tr. 1.266, phần “Tĩnh Hải Dương”.
- (17) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập I, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr. 857.
- (18) Ngô Sĩ Liên và các sử quan nhà Lê, tập II, sđd, tr. 359.
- (19) Ngô Sĩ Liên và các sử quan nhà Lê, tập II, sđd, tr. 353.
- (20) Ngô Sĩ Liên và các sử quan nhà Lê, tập II, sđd, tr. 450.
- (21) Ngô Sĩ Liên và các sử quan nhà Lê, tập II, sđd, tr. 486.
- (22) Đặng Xuân Bảng, sđd, tr. 329.
- (23) Ngô Sĩ Liên và các sử quan nhà Lê, tập II, sđd, tr. 420.
- (24) Khuyết danh, *Nam quốc vĩ nhân truyện*, Trung tâm Học liệu xuất bản, Sài Gòn, 1968, tr. 33.
- (25) Dục Tông Anh Hoàng Đế, *Ngự chế Việt sử tổng vịnh*, tập Trung, Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa, Sài Gòn, 1970, tr. 139.
- (26) Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập I, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr. 444, mục “Nhân vật chí”.
- (27) Viện Nghiên cứu Hán Nôm, *Địa phương chí tỉnh Hải Dương qua tư liệu Hán Nôm*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2009, tr. 86, phần “Hải Dương phong vật chí”.

- (28) Trần Đình Ba, “Những biện pháp xử lý tham nhũng thời Lê Thánh Tông (1460-1497)”, tạp chí *Xưa và nay* số 452, tháng 10 năm 2014, tr. 22.
- (29) Phủ Thăng Hoa, phủ Hoài Nhơn: Phủ Thăng Hoa nay thuộc tỉnh Quảng Nam. Phủ Hoài Nhơn nay thuộc tỉnh Bình Định.
- (30) Dương Văn An, *Ở Châu cận lục*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2009, tr. 114.
- (31) Thanh Hoa: tên của tỉnh Thanh Hóa thời Lê sơ.
- (32) Dương Văn An, sdd, tr. 121.
- (33) Đặng Xuân Bảng, sdd, tr. 375.
- (34) Ngô Sĩ Liên và các sử quan nhà Lê, tập III, sdd, tr. 10.
- (35) Phan Kế Bính, *Nam hải di nhân liệt truyện*, Mặc lâm xuất bản, Sài Gòn, 1968, tr. 42.
- (36) Lê Quý Đôn, sdd, tr. 314.
- (37) Ngô Sĩ Liên và các sử quan nhà Lê, tập III, sdd, tr. 13.
- (38) Ngô Sĩ Liên và các sử quan nhà Lê, tập III, sdd, tr. 17.
- (39) Ngô Sĩ Liên và các sử quan nhà Lê, tập II, sdd, tr. 339.
- (40) Ngô Sĩ Liên và các sử quan nhà Lê, tập II, sdd, tr. 508.
- (41) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập I, sdd, tr. 940-941.
- (42) Đặng Xuân Bảng, sdd, tr. 390.
- (43) Ngô Sĩ Liên và các sử quan nhà Lê, tập II, sdd, tr. 386-387.
- (44) Ngô Sĩ Liên và các sử quan nhà Lê, tập II, sdd, tr. 514.
- (45) Phan Huy Chú, tập I, sdd, tr. 302.
- (46) Ngô Sĩ Liên và các sử quan nhà Lê, tập II, sdd, tr. 462.
- (47) Viện Sử học, *Cổ luật Việt Nam: Quốc triều hình luật và Hoàng Việt luật lệ*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2009, tr. 53.
- (48) Ngô Sĩ Liên và các sử quan nhà Lê, tập II, sdd, tr. 428.
- (49) Đặng Xuân Bảng, sdd, tr. 343.
- (50) Ngô Sĩ Liên và các sử quan nhà Lê, tập II, Sdd, tr. 438.
- (51) Viện Sử học, sdd, tr. 91.
- (52) Khuyết danh, *Dã sử*, Trung tâm Học liệu xuất bản, Sài Gòn, 1968, tr. 1-3.
- (53) Ngô Sĩ Liên và các sử quan nhà Lê, tập II, sdd, tr. 443.
- (54) Thi Hoàng từ: khoa thi chọn người văn hay, học lực cao sâu, giống thi Chế khoa. Xem: Nguyễn Thị Chân Quỳnh, *Khoa cử Việt Nam: Thi Hương*, tập Thượng, Nxb Văn học, Hà Nội, 2003, tr. 30.
- (55) Đặng Xuân Bảng, sdd, tr. 352.
- (56) Ngô Sĩ Liên và các sử quan nhà Lê, tập II, sdd, tr. 430-431.
- (57) Ngô Sĩ Liên và các sử quan nhà Lê, tập II, sdd, tr. 450, tr. 454.
- (58) Trương Bá Cần (2002), *Nguyễn Trường Tộ - Con người và di thảo*, Nxb TP Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 208.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cao Xuân Dục (2003), *Đại Nam dư địa chí ước biên*, Nxb Văn học, Hà Nội.
2. Dục Tông Anh Hoàng Đế (1970), *Ngự chế Việt sử tổng vịnh*, Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa, Sài Gòn.
3. Dương Văn An (2009), *Ở Châu cận lục*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
4. Đặng Xuân Bảng (2000), *Việt sử cương mục tiết yếu*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
5. Đỗ Văn Ninh (2006), *Từ điển chức quan Việt Nam*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.
6. Khuyết danh (1968), *Dã sử*, Trung tâm Học liệu xuất bản, Sài Gòn.
7. Khuyết danh (1968), *Nam quốc vĩ nhân truyện*, Trung tâm Học liệu xuất bản, Sài Gòn.

8. Khuyết danh (1997), *Việt sử diễn âm*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
9. Lê Quý Đôn (2007), *Kiến văn tiểu lục*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
10. Ngô Sĩ Liên và các sử quan nhà Lê (2004), *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
11. Nguyễn Thị Chân Quỳnh (2003), *Khoa cử Việt Nam: Thi Hương*, tập Thượng, Nxb Văn học, Hà Nội.
12. Nguyễn Văn Mai (1919), *Nam Việt lược sử*, Nhà in Nguyễn Văn Viết, Sài Gòn.
13. Phan Huy Chú (2007), *Lịch triều hiến chương loại chí*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
14. Phan Kế Bính (1968), *Nam hải dị nhân liệt truyện*, Mặc lâm xuất bản, Sài Gòn.
15. Phan Xuân Hòa (1952), *Lịch sử Việt Nam: Từ Lê Lợi khởi nghĩa đến Nguyễn suy vong*, quyển II, Nxb Vĩnh thịnh, Hà Nội.
16. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2012), *Đại Nam nhất thống chí*, Nxb Lao động, Hà Nội.
17. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2007), *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
18. Trần Trọng Kim (1971), *Việt Nam sử lược*, Trung tâm Học liệu xuất bản, Sài Gòn.
19. Trương Bá Cần (2002), *Nguyễn Trường Tộ - Con người và di thảo*, Nxb TP Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
20. Trương Vĩnh Ký dịch (2005), *Minh tâm bửu giám*, Nxb TP Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
21. Viện Nghiên cứu Hán Nôm (2009), *Địa phương chí tỉnh Hải Dương qua tư liệu Hán Nôm*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
22. Viện Nghiên cứu Hán Nôm (2011), *Điển chế và pháp luật Việt Nam thời trung đại*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
23. Viện Sử học (2009), *Cổ luật Việt Nam: Quốc triều hình luật và Hoàng Việt luật lệ*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

TÓM TẮT

Thời Lê sơ (1428-1527) dù là triều đại có sự thịnh trị, đạt được nhiều thành tựu đáng ghi nhận trong lịch sử, nhưng vẫn nán tham nhũng vẫn tồn tại, ảnh hưởng tới sự thịnh suy của triều đại. Các vua nhà Lê sơ đã thực hiện nhiều biện pháp đồng bộ, song hành khác nhau để phòng, chống và xử lý vấn nạn này. Trong phạm vi bài viết, chúng tôi tìm hiểu các biện pháp thưởng phạt với những quy định cụ thể được áp dụng trong thực tế thời Lê sơ, đem lại tác dụng, hiệu quả nhất định trong việc phòng, chống vấn nạn tham nhũng. Qua đó cũng cho thấy biện pháp thưởng phạt còn những hạn chế mang tính khách quan hoặc chủ quan chưa khắc phục được tình trạng tham nhũng một cách hiệu quả nhất.

ABSTRACT

REWARD AND PUNISHMENT POLICY UNDER THE LATER LÊ DYNASTY IN EARLY PERIOD (1428-1527) AND ITS EFFECT ON CORRUPTION PREVENTION

Although the Later Lê dynasty in early period (1428-1527) is considered a prosperous and peaceful dynasty which gained remarkable achievements in history, the problem of corruption still existed, affecting the rise and fall of the dynasty. The Lê kings carried out comprehensive and different measures to prevent and deal with this problem. Within the article, we present the reward and punishment measures with specific rules applied in the Later Lê dynasty in early period, which brought about certain efficiency in preventing and fighting against corruption. However, these reward and punishment measures also show objective or subjective restrictions which were not overcome.